

Số: 1025/QĐ-CTHADS

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 9 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách  
nhà nước năm 2022

### CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1023/QĐ-CTHADS ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Cục trưởng cục thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Kế toán trưởng kế toán ngân sách Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh (*chi tiết theo Phụ lục đính kèm Quyết định này*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng cục, kế toán trưởng kế toán ngân sách và Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,KT.



Văn Đình Minh



Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: CỤC THADS TỈNH HÀ TĨNH

Chương: 014

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 1025 /QĐ- CTHADS ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Cục trưởng cục THADS tỉnh Hà Tĩnh)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>0</b>
1	Chi từ nguồn phí để lại ( gồm 55% được sử dụng tại đơn vị và 20% nộp TC	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước (25%)</b>	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>40,000</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>40,000</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	40,000
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ nguồn 14 để cải cách tiền lương	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>0</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 9 năm 2022

Cục trưởng



Vân Đình Minh



Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: CỤC THADS TỈNH HÀ TĨNH

Chương: 014

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 1025/QĐ-CTHADS ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Cục trưởng cục THADS tỉnh Hà Tĩnh)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng	Thành phố	Vũ Quang	Hồng Lĩnh	Kỳ Anh	Hương Sơn
1	2	3	4=5+..17	5	6	7		8	9
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>		<b>0</b>						
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>		<b>0</b>						
1	Phí, Lệ phí	<b>0</b>	<b>0</b>						
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>0</b>	<b>0</b>						
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>0</b>	<b>0</b>						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	<b>0</b>	<b>0</b>						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	<b>0</b>	<b>0</b>						
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>						
<b>I</b>	<b>Phí, Lệ phí</b>	<b>0</b>	<b>0</b>						
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>-150,000</b>	<b>-150,000</b>	<b>40,000</b>	<b>-10,000</b>	<b>-10,000</b>	<b>-10,000</b>	<b>-10,000</b>	<b>-10,000</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>		<b>0</b>						
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>-150,000</b>	<b>-150,000</b>	<b>40,000</b>	<b>-10,000</b>	<b>-10,000</b>	<b>-10,000</b>	<b>-10,000</b>	<b>-10,000</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	<b>0</b>	<b>0</b>						
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	<b>-150,000</b>	<b>-150,000</b>	<b>40,000</b>	<b>-10,000</b>	<b>-10,000</b>	<b>-10,000</b>	<b>-10,000</b>	<b>-10,000</b>
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ nguồn 14 để cải cách tiền lương	<b>0</b>	<b>0</b>						
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>					
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	<b>0</b>	<b>0</b>						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	<b>0</b>	<b>0</b>						



*Jte*



ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Hương Khê	Cẩm Xuyên	Thạch Hà	Can Lộc	Nghi Xuân	Lộc Hà	Đức Thọ	TX Kỳ Anh
1	2	10	11	12	13	14	15	16	17
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>								
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>								
1	Phí, Lệ phí								
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>								
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>								
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>								
<b>1</b>	<b>Phí, Lệ phí</b>								
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	-70,000	-10,000	-10,000	-10,000	-10,000	-10,000	-10,000	-10,000
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>								
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	-70,000	-10,000	-10,000	-10,000	-10,000	-10,000	-10,000	-10,000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-70,000	-10,000	-10,000	-10,000	-10,000	-10,000	-10,000	-10,000
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ nguồn 14 để cải cách tiền lương								
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>								
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên								

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 9 năm 2022

Cục trưởng



Văn Đình Minh



Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: CỤC THADS TỈNH HÀ TĨNH

Chương: 01

**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 1025 /QĐ- CTHADS ngày 22/9/2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ				
				Văn phòng	Thành phố	Vũ Quang	Hồng Lĩnh
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>						
1	Số thu phí, lệ phí	0	0				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0				
2.1	Chi quản lý hành chính	0	0				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	0				
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Chi quản lý hành chính	0	0				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-150,000	-150,000	40,000	-10,000	-10,000	-10,000
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0				



*[Handwritten signature]*



Trong đó

Kỳ Anh	Hương Sơn	Hương Khê	Cẩm xuyên	Thạch Hà	Can Lộc	Nghi Xuân	Lộc Hà	Đức Thọ	TX Kỳ Anh
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
-10,000	-10,000	-70,000	-10,000	-10,000	-10,000	-10,000	-10,000	-10,000	-10,000
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 9 năm 2022

Cục trưởng



Văn Đình Minh